

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM: VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN MAI*

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư toàn xã hội nói chung, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước nói riêng là một vấn đề quan trọng khi Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển mới, với mục tiêu đưa đất nước lần đầu tiên trong lịch sử của mình vượt qua ngưỡng của nước nghèo, trở thành nước có thu nhập trung bình thấp vào năm 2010, đạt mức GDP bình quân đầu người khoảng 1000 USD.

Một trong những cản trở để đạt được mục tiêu trên là vấn đề vốn đầu tư nhà nước từ trước đến nay được sử dụng kém hiệu quả. Bài viết này bàn về tính kém hiệu quả của đầu tư nhà nước, nguyên nhân của tình trạng này và kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới.

1. Đánh giá hiệu quả đầu tư ở Việt Nam

Một nghịch lý đáng buồn diễn ra trong thời gian qua là trong khi Việt Nam cần gia tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế thì Hệ số Sử dụng vốn đầu tư (ICOR) lại tăng lên: thời kỳ 1991- 1995 là 2,2, thời kỳ 1996-2000 là 4,0 và trong 5 năm vừa qua là 5,2. Vì vậy, mặc dù lượng vốn đầu tư toàn xã hội tương đương 36% Tổng sản phẩm trong nước (GDP) nhưng mức tăng trưởng GDP chỉ đạt 7,2%. Có người lý giải về tình trạng

này là do lượng vốn đầu tư được tập trung vào xây dựng kết cấu hạ tầng. Tôi cho rằng, đó chỉ là một nhân tố ảnh hưởng song không phải là nhân tố chủ yếu. Lãng phí, tham nhũng, đầu tư kém hiệu quả mới là các nhân tố chủ yếu. Cần lưu ý rằng, trong hai thập kỷ đầu thời kỳ công nghiệp hóa của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan và Malaixia thì hệ số ICOR thấp nhất là 2,6 và cao nhất là 3,5, trong khi các nước này đã tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nhiều hơn và đồng bộ hơn Việt Nam.

Trong 5 năm 2006- 2010, dự kiến vốn đầu tư toàn xã hội tương đương 38% GDP, mức khá cao trên thế giới. Nếu không giảm được Hệ số ICOR (vẫn ở mức trên 5,0) thì tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,8%/năm. Nếu Hệ số ICOR là 4,5 thì mức tăng trưởng GDP tăng 8,5%/năm; nếu kéo hệ số này xuống còn 4,0 thì mức tăng trưởng GDP tăng 9,5%/năm.

Khi bài toán về tăng vốn đầu tư toàn xã hội đã tìm được lời giải bằng hệ thống chính sách huy động vốn trong nước (thông qua khai thác tối đa nguồn vốn từ dân cư, các doanh nghiệp trong nước, vốn đầu tư từ

* Giáo sư, Tiến sỹ khoa học, Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư.

ngân sách nhà nước), đồng thời, hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư gián tiếp nước ngoài (FPI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)... thì Việt Nam cần coi việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư nhà nước, giảm Hệ số ICOR xuống mức hợp lý (4,0-4,5) là vấn đề quan trọng và cần có những giải pháp thích hợp trong thời kỳ 2006- 2010.

2. Nguyên nhân của tình trạng đầu tư nhà nước kém hiệu quả

Tình trạng kém hiệu quả, lãng phí, thất thoát vốn trong đầu tư xây dựng cơ bản có nhiều nguyên nhân mang tính hệ thống, trước hết và quan trọng nhất là do *chủ trương đầu tư không đúng*.

Ở Việt Nam, cứ trước mỗi Kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm là cả bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội được sử dụng vốn nhà nước tìm mọi cách để có được dự án đầu tư ghi vào *Danh mục Dự án đầu tư* của từng thời kỳ. Trong danh mục đó có không ít dự án của địa phương, ngành, doanh nghiệp chưa có đủ luận cứ, bởi vì phải "vừa chạy vừa xếp hàng" để được đưa vào danh mục. Cũng có một số dự án quan trọng cấp quốc gia được quyết định đầu tư không dựa trên những luận cứ khoa học về hiệu quả kinh tế- xã hội. Một số dự án ODA mà phần lớn là vốn vay của Nhà nước trong những năm trước đây cũng được thông qua các kênh, bằng những mối quan hệ kể cả với một số tổ chức tư vấn nước ngoài, đặt Chính phủ trước việc phải chấp nhận đưa vào danh mục dự án vay vốn. Câu chuyện *dự án nhà máy lọc dầu đầu tiên* là một ví dụ điển hình.

Cách đây gần hai năm, Quốc hội đã chất vấn Chính phủ về dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, một dự án đã được thay đổi chủ đầu tư ba lần, chậm được khởi công, liên tục nâng dự toán vốn và kéo dài thời hạn hoàn thành lúc đầu là năm 1998, rồi năm 2005, còn hiện nay khó có thể nói năm nào thì công trình này sẽ được đưa

vào sử dụng (!). Người dân cứ tưởng mọi chuyện phải được làm sáng tỏ để có kết luận đúng; nhưng thật đáng tiếc, nhà máy lọc dầu đầu tiên của nước ta vẫn được xây dựng ở một địa điểm vừa xa vùng nguyên liệu, vừa xa thị trường tiêu thụ chính.

Là một người được trực tiếp tham gia từ đầu việc tuyển chọn nhà thầu để thực hiện chủ trương xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên của nước ta, tác giả muốn kể lại tóm tắt diễn biến của quá trình này với hy vọng rằng, các cấp có thẩm quyền ra quyết định đầu tư bằng vốn nhà nước coi đây là bài học kinh nghiệm về *chủ trương đầu tư* (Hộp 1).

Một nguyên nhân quan trọng của tình trạng sử dụng vốn đầu tư nhà nước kém hiệu quả là *đầu tư không tới hạn, dàn trải, không đồng bộ*, gây lãng phí nghiêm trọng, hầu hết dự án lớn đều kéo dài thời hạn đưa công trình vào sử dụng.

Khuyết điểm đó đã được nhắc đi nhắc lại như điệp khúc trong các báo cáo kế hoạch, nhưng hầu như không được sửa chữa; mà theo tôi *nguyên nhân chủ yếu là chế độ trách nhiệm cá nhân*. Chính phủ nhận khuyết điểm trước Quốc Hội, Bộ trưởng nhận trách nhiệm trước Thủ tướng nhưng không có ai chịu trách nhiệm cá nhân cả, không có người lãnh đạo nào chịu từ chức, bị cách chức, bị truy tố trước pháp luật vì gây ra hậu quả nghiêm trọng do chủ trương đầu tư sai, đầu tư dàn trải, không đồng bộ đã làm cho đất nước kéo dài tình trạng đói nghèo.

Một dự án đầu tư cần được hình thành trong mối quan hệ với những yếu tố bảo đảm về tiến độ thời gian, khi đưa vào vận hành có đủ điều kiện bảo đảm tính đồng bộ; do vậy khi *bố trí vốn đầu tư không chỉ tính đúng và đủ cho chính dự án đó, mà còn phải tính cả cho các dự án phụ trợ*. Một con đường hàng ngàn km làm xong mà chưa có hệ thống dịch vụ cung ứng xăng dầu, bảo dưỡng, sửa chữa xe cộ, phục vụ sinh hoạt... thì ít xe qua lại, trở nên lãng

phí. Dự án đường Hồ Chí Minh rất cần cho hiện tại và tương lai của giao thông Bắc - Nam, nhưng do đầu tư không tới hạn, mặc dù được tập trung thi công với tiến độ khá nhanh, đã đưa vào sử dụng cách đây hai năm, nhưng mật độ xe qua lại quá thấp, rất kém hiệu quả. Một số cây cầu lớn được xây dựng đồng loạt trên nhiều con đường

giao thông, mà nếu biết tập trung các dự án đó trên một tuyến đường để trong một thời gian ngắn hoàn chỉnh toàn tuyến thì hiệu quả sử dụng vốn sẽ tăng lên; trong khi tình trạng dàn trải hiện nay đã làm cho tất cả mọi tuyến đường đều trong tình trạng dang dở, kéo dài thời gian đưa vào sử dụng.

Hộp 1: Về dự án lọc dầu đầu tiên của Việt Nam

Năm 2003, khi Vietsov Petro tăng sản lượng khai thác dầu thô, đồng thời có nhiều nhà thầu quốc tế ký hợp đồng phân chia sản phẩm với Petro-Vietnam trong việc thăm dò dầu khí ở vùng biển Việt Nam, Đảng và Nhà nước chủ trương xây dựng nhà máy lọc dầu thứ nhất bằng hình thức liên doanh với nước ngoài và dự kiến đưa vào vận hành trong năm 1998. Nhà máy lọc dầu thứ hai, được dự kiến xây dựng sau đó 5 năm.

Hội đồng Thẩm định nhà nước (sau đây gọi tắt là Hội đồng) được Chính phủ giao nhiệm vụ chọn nhà thầu nước ngoài cho dự án này. Thủ tướng Chính phủ cho phép Hội đồng thuê chuyên gia tư vấn quốc tế. Chỉ sau ba tháng công bố chủ trương đó, Hội đồng đã nhận được hồ sơ của 17 nhà thầu đến từ nhiều nước. Trong vòng xét thầu thứ nhất, có 11 nhà thầu bị loại; trong vòng thứ hai có thêm 4 nhà thầu bị loại, chỉ còn hai nhà thầu được chọn là Shell (Hà Lan) và Total (Pháp). Cả hai hãng này đã nhận được đầu bài từ phía Việt Nam: *liên doanh với Petro-Vietnam để xây dựng nhà máy có công suất 5,5-6,5 triệu tấn dầu/năm ở Long Sơn, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đưa vào sử dụng năm 1998; giá bán dầu tính chế tại nhà máy bằng giá dầu tính chế nhập khẩu tại cảng biển Việt Nam.* Với tư vấn của chuyên gia quốc tế, qua thẩm định dự án, Hội đồng đã trình và Thủ tướng Chính Phủ chấp thuận chọn Total. Khi việc triển khai dự án đang được tiến hành thuận lợi thì có quyết định từ cấp cao rằng, để bảo đảm mức chênh lệch hợp lý về trình độ phát triển giữa ba miền đất nước, nhà máy lọc dầu cần được xây dựng ở một địa điểm thuộc miền Trung. Liên doanh đã khảo sát năm địa điểm được Bến Việt Nam giới thiệu và Văn Phong (Khánh Hòa) đã được lựa chọn. Mấy tháng sau đó, do nhiều nguyên nhân, trong đó có không ít bài báo đã phê phán việc xây dựng nhà máy lọc dầu ở Văn Phong sẽ gây ô nhiễm môi trường ở một vùng biển có thể phát triển thành trung tâm du lịch quốc tế, liên doanh được yêu cầu khảo sát và xây dựng nhà máy ở Dung Quất. Cần nói thêm rằng, do yếu tố kỹ thuật nên dầu thô ở vùng biển nước ta phải trộn với dầu thô nhập từ Trung Đông theo một tỷ lệ nhất định mới có thể lọc được.

Các chuyên gia hãng dầu Total (Pháp) đã trình Hội đồng năm phương án. Bốn phương án được xây dựng trên cơ sở *giá bán bằng giá nhập khẩu*; trong đó phương án thứ tư Liên doanh không phải đóng các khoản thuế theo luật thuế hiện hành thì nhà máy vẫn bị lỗ. Phương án thứ năm được hình thành trên cơ sở *giá bán đến cây xăng* thì liên doanh nộp đầy đủ các khoản thuế và có lãi. Chính phủ không chấp nhận phương án này nên Total đã rút khỏi liên doanh. Sau đó, hãng dầu của Nga đã thay Total tham gia liên doanh vì nghĩ rằng có thể sử dụng lợi thế từ Vietsov Petro; nhưng thực tế không diễn ra như dự tính, nên phía Nga cũng rút khỏi Liên doanh. Petro-Vietnam trở thành chủ đầu tư bằng vốn nhà nước dự án khổng lồ này.

Giáo sư David Dapice, một chuyên gia kinh tế người Mỹ có mặt ở Việt Nam từ khi bắt đầu Đổi mới, đã đưa ra con số lỗ hàng năm 120 triệu USD, tính theo số vốn đầu tư ban đầu của Nhà máy là 1,5 tỷ USD; bây giờ vốn đầu tư đã là 2,5 tỷ USD, biết dầu sẽ còn cao hơn nữa thì chắc chắn còn lỗ nhiều hơn.

Hà Nội có thể tự hào là đang thay da đổi thịt, mỗi năm xây dựng được 1,4 triệu m² nhà. Thành phố trở nên khang trang hơn trước, nhưng người ta có quyền lo cho Hà Nội, không biết khi nào thì hết cảnh khắp nơi có công trường xây dựng. Người nước ngoài khen Hà Nội đẹp, nhưng cũng chê Thủ đô quá nhiều bụi. Đó cũng là câu chuyện dân trải trong đầu tư; đáng ra Thành phố tập trung vào vài ba khu đô thị mới thì 5 năm vừa qua đã có được thêm một thành phố với nửa triệu dân, sống trên diện tích nhà ở 6-7 triệu m², có hạ tầng kỹ thuật và xã hội hiện đại và đồng bộ, ở đó không còn cảnh công trường xây dựng nữa. Việc 25-26 khu đô thị mới được trải rộng từ tây sang đông, từ bắc xuống nam thành phố thì vấn đề trở nên phức tạp hơn về xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng; có khu đô thị giá bán nhà cao ngất ngưỡng, nhưng có nơi chẳng mấy ai mua, nhà xây xong để có thêm con số thống kê số m² nhà ở mà thôi (!).

Vụ án diễn ra tại Ban Quản lý Dự án 18 (PMU 18) là một điển hình về một chuỗi liên kết *các vấn đề về tổ chức và quản lý*. Đây không chỉ là chức năng, nhiệm vụ và hình thức tổ chức của các ban quản lý dự án thuộc bộ, tổng công ty nhà nước mà còn có liên quan đến cơ chế đầu thầu, xét thầu, quyền hạn và trách nhiệm của PMU, tư vấn và giám sát quá trình thực hiện đầu tư, chọn lựa cán bộ và chức trách của hàng chục cơ quan của Đảng, Thanh tra Nhà nước, điều tra, xử lý của hệ thống tư pháp, cũng như chức năng giám sát của Quốc hội. Đây là sai phạm cực kỳ nghiêm trọng xảy ra tại Thủ đô, nơi tập trung các cơ quan đầu não của Đảng, Quốc hội, hệ thống tư pháp, hành pháp mà để kéo dài cả chục năm; những người phạm tội suýt lọt lưới, trong đó một số kẻ đứng đầu được dự kiến là thành viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được đề bạt làm Bộ trưởng, Thứ trưởng thì không thể chỉ do hình thức tổ chức quản lý theo dạng PMU. Đường như

khi phát hiện ra một vụ phạm pháp thì người ta chỉ muốn coi đó như thành tích; các cơ quan có liên quan đều hăng hái nhảy vào cuộc, nhưng ít khi người ta tự nhận ra rằng, để vụ án đó xảy ra chính là do những cơ quan này không làm đúng chức trách của mình, buông lỏng quản lý.

Hình thức tổ chức quản lý có vai trò quan trọng, bởi vì sau khi có chủ trương đầu tư đúng thì nhân tố quyết định hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nhà nước là *tổ chức quản lý dự án*. Liên quan đến vấn đề tổ chức quản lý là *chủ đầu tư*. Luật Xây dựng (2003) và Nghị định 16CP/2005 của Chính phủ đã có quy định về chủ đầu tư, trong đó có chủ đầu tư sử dụng vốn nhà nước. Theo các văn bản pháp luật đó thì các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước *không làm chủ đầu tư*, trừ việc xây dựng trụ sở cơ quan. Tuy vậy, trên thực tế Chính phủ vẫn giao cho bộ, ngành làm chủ đầu tư công trình sử dụng vốn nhà nước. Bộ Giao thông - Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là hai bộ làm chủ đầu tư nhiều dự án nhất. Thực trạng đó vừa không tuân thủ Luật pháp, vừa làm giảm vai trò giám sát của cơ quan nhà nước.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư nhà nước

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nhà nước cần *tách rời cơ quan nhà nước ra quyết định đầu tư với chủ đầu tư* để bảo đảm thực hiện được các chức năng khác nhau: chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý quá trình thực hiện dự án, còn cơ quan nhà nước ra quyết định đầu tư giám sát quá trình đó.

Mặc dù Luật Xây dựng quy định có *hai hình thức tổ chức quản lý dự án* là thuê tổ chức tư vấn và lập ban quản lý dự án, tuy nhiên, tình trạng phổ biến là chủ đầu tư lập ban quản lý dự án để thực hiện chức năng của mình, khi dự án hoàn thành thì tổ chức này giải thể. Phần lớn ban quản lý dự án gồm các cán bộ không đủ năng lực

chuyên môn, kiến thức về kế toán và tài chính, hoạt động có thời hạn; sau khi dự án giải thể cũng hết trách nhiệm đối với dự án.

Trong khi các dự án sử dụng vốn nhà nước ngày càng có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp thì cần bảo đảm tính chuyên nghiệp trong tất cả các khâu của quá trình thực hiện dự án đầu tư. Trên cơ sở đó hình thành ba loại tổ chức chuyên nghiệp: tổ chức tư vấn đầu tư, tổ chức đại lý chủ đầu tư quản lý dự án và tổ chức giám sát đầu tư. Tổ chức tư vấn đầu tư được chủ đầu tư thuê lập luận chứng kinh tế-kỹ thuật, phân chia các gói thầu, tìm kiếm và thu xếp vốn vay, lập hợp đồng kinh tế và tìm phương thức thích hợp để thực hiện từng loại dự án... Tổ chức đại lý chủ đầu tư quản lý dự án thay cho các ban quản lý dự án hiện nay, được chủ đầu tư ủy quyền thông qua

hợp đồng trách nhiệm quản lý toàn bộ các công việc và quá trình thực hiện dự án, theo dõi thực hiện hợp đồng, các gói thầu, giải ngân, thanh toán với các đối tác theo tiến độ công việc. Tổ chức giám sát thi công làm tư vấn cho chủ đầu tư và được chủ đầu tư thuê giám sát kỹ thuật quá trình thực hiện dự án, được giao quyền xử lý các vi phạm hợp đồng xây dựng, hoặc kiến nghị với chủ đầu tư biện pháp xử lý. Ba tổ chức đó được thành lập theo phương châm xã hội hóa thông qua nhiều hình thức, thu hút các chuyên gia kinh tế, kỹ thuật giỏi trong và ngoài nước, kể cả những người đã nghỉ hưu còn có năng lực trí tuệ, được trang bị hiện đại, hoạt động theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm, độc lập, giám sát lẫn nhau, công khai và minh bạch.

Hộp 2: Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước về đấu thầu năm 2005

Hầu hết các đơn vị được kiểm toán có tình trạng vi phạm quy chế đấu thầu hoặc thực hiện không tốt công tác đấu thầu như không tổ chức đấu thầu đầy đủ theo quy định, chia nhỏ gói thầu để chỉ định thầu; tổ chức đấu thầu hạn chế, thiếu cơ sở pháp lý; xác định khối lượng mời thầu không chính xác. Có biết có trường hợp nhà thầu không đủ năng lực và trúng thầu dẫn tới phải bổ sung nhà thầu phụ; mở thầu, chấm thầu mang tính hình thức, xét thầu không khách quan, kết quả đấu thầu không hợp pháp.

Công thức mở thầu, chấm thầu tại một số dự án chỉ mang tính hình thức. Dự án Trung tâm Chiếu phim quốc gia giai đoạn II (Bổ Văn hóa - Thông tin) đã không xem xét, điều chỉnh những khối lượng mà đơn giá nhà thầu áp dụng không đúng chế độ, giá trị nhà thầu tính không đúng quy định trong hồ sơ trúng thầu là 10,6 tỷ đồng.

Một số dự án của Bộ Thủy sản không có đủ số lượng nhà thầu tham dự. Vẫn còn tình trạng thỏa thuận, dàn xếp kết quả đấu thầu; có dấu hiệu thông thầu giữa các nhà thầu.

Công tác đấu thầu tuyển chọn tổ chức nhận thầu dự án cũng cần có một số cải cách cơ bản, bởi vì đã xảy ra tình trạng phổ biến là các nhà thầu "liên minh sau lưng chủ đầu tư" để một đơn vị trúng thầu với những điều kiện có lợi nhất, sau đó chia sẻ lợi ích với nhau. Báo cáo của Kiểm toán

Nhà nước về đấu thầu cho thấy trong công tác đấu thầu vẫn còn nhiều tiêu cực và bất cập (Hộp 2).

Những phát hiện trên đây của Kiểm toán Nhà nước đã nói lên tính cấp bách phải cải cách cơ chế và tổ chức đấu thầu. Ở đây cũng đòi hỏi tính (xem tiếp trang 16)

kinh tế quốc tế. Đây cũng là điều mà nhân dân kỳ vọng từ sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước để Việt Nam có thể sánh vai với các cường quốc năm châu như Bác Hồ hằng mong muốn. □

1. Theo qui định mới của Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2006-2010, chuẩn nghèo được qui định là mức thu nhập 200.000đ/người/tháng đối với nông thôn và 260000đ/tháng đối với thành thị.
2. Điều 15 và 19, *Hiến Pháp Việt Nam 1992*.
3. Theo Nhân Dân Điện Tử (2002), Thống kê đến cuối năm 2000, có hơn 40% DNNN không hoạt động có hiệu quả, và tổng số nợ của các DNNN lên đến 190.000 tỷ đồng, tương đương 33% GDP.
4. Theo Ngân hàng Thế giới (2005a), năm 2004, tỉ lệ lao động thuộc khối doanh nghiệp tư nhân là 17%, cao hơn gấp đôi tổng số lao động làm việc cho khối DNNN và hành chính nhà nước cộng lại, 8,4%.
5. Xét trên phương diện lý thuyết, tác dụng tiêu cực về kinh tế của độc quyền luôn lớn hơn lợi ích mà nó mang lại. Các nước phát triển thường chỉ cho phép độc quyền ở những lĩnh vực không cần thiết phải khuyến khích cạnh tranh thuần khiết như phân phối điện, nước.
6. Xem thêm chi tiết trong bài của Ngân hàng Thế giới (2005b).
7. Số liệu của Ngân hàng Thế giới (2006) cho giai đoạn 2000-2004.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo Thanh niên (2005), "Giảm 12.924 biên chế, nhưng... tăng 60.000 người". <http://www.vietnamnet.vn/xahoi/laodong/2005/01/368909/>. Truy cập 24/1.
2. Bộ Tài chính (2006), "Dự toán thu, chi ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2005", <http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=87>.
3. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc [UNDP] (2005), *Báo cáo phát triển con người 2005* [Human Development Report 2005].
4. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (2005), *Chỉ số Cạnh tranh tăng trưởng 2004-05* [Growth Competitiveness Index]. Truy cập 11/11.
5. Ngân hàng Thế giới (2005a), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2006* [Vietnam Development Report 2006], Hà nội.
6. Ngân hàng Thế giới (2005b), *Tăng cường phát triển nông nghiệp Việt Nam* [Accelerating rural development Vietnam], Hà nội.
7. Ngân Hàng Thế giới (2006), <http://devdata.worldbank.org/>.
8. Nhân Dân Điện Tử (2002), <http://www.nhandan.org.vn/vietnamese/20020101/bai-kt8.html>.

9. Thời báo Kinh tế Việt Nam (2006), "Vào WTO, Chính phủ và doanh nghiệp phải cùng nhau tháo gỡ", <http://www.vneconomy.com.vn/vie/index.php?param=article&catid=01&id=58161b87cc2496>. Truy cập 28/8.
10. Tổng cục Thống kê (2005), *Niên giám Thống kê*, NXB Thống kê, Hà nội.
11. Tuổi trẻ (2003), "Thủ tướng Phan Văn Khải: Sai phạm nhiều kỷ luật chẳng bao nhiêu", <http://media.vdc.com.vn/top/ctxh/chitiet.cfm?id=57425>, truy cập 27/2.
12. Vietnamnet (2006), "Năm 2005: 1,6 triệu người được giải quyết việc làm", <http://www.vietnamnet.vn>. Truy cập 11/1.
13. Võ Văn Kiệt (2006), "Nhớ đồng chí Lê Duẩn", *Báo Nhân dân*, ngày 16 tháng 8.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC...

(tiếp theo trang 7)

chuyên nghiệp, tính xã hội hóa, tính công khai, minh bạch; tránh tình trạng mượn có bảo vệ bí mật để trục lợi trong quá trình đấu thầu.

Các hội đồng xét thầu nên lựa chọn những người đủ trình độ chuyên môn thích ứng với từng loại dự án và chứng minh được tính trung thực qua những lần tham gia các hội đồng trước. Chúng ta đã có quá đủ kinh nghiệm để rút ra kết luận rằng, cho dù cơ chế đấu thầu minh bạch, chặt chẽ đến đâu thì cũng phụ thuộc vào *những con người cụ thể trong hội đồng xét thầu*.

Còn không ít vấn đề cần được nghiên cứu thêm, bài viết này xin kết thúc với với một sự so sánh rất đáng để những ai quan tâm đến vấn đề nâng cao hiệu quả vốn đầu tư ở Việt Nam cùng suy ngẫm. Báo "Thanh niên" ngày 20/8/2006 cho biết, 1 km đường Kim Liên - Ô Chợ Dừa có chi phí xây dựng là 45 triệu USD, trong khi 1 km đường tàu điện ngầm chỉ có chi phí xây dựng là 34 triệu USD. □